

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân khai Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019
Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu các huyện, thành phố - Đợt 4**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung Chương I Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 66/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc phân khai Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu các huyện, thành phố - Đợt 4,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân khai Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu các huyện - Đợt 4 là **42.904 triệu đồng**, cụ thể:

**1. Xây dựng nông thôn mới (bao gồm xây dựng Trường đạt chuẩn quốc gia):
12.230 triệu đồng – XSKT**

Cụ thể:

- Thành phố Tây Ninh: 12.230 triệu đồng-nguồn XSKT.

(Chi tiết đính kèm theo biểu số 01)

2. Phát triển thành phố, thị xã (Chỉnh trang đô thị): 30.444 triệu đồng (NSTT: 21.638 triệu đồng, XSKT: 8.806 triệu đồng)

Cụ thể:

- Thành phố Tây Ninh: 10.700 triệu đồng (NSTT: 1.894 triệu đồng, XSKT: 8.806 triệu đồng).

- Hòa Thành: 19.744 triệu đồng-nguồn NSTT

(Chi tiết đính kèm theo biểu số 02)

3. Xây mới trường học thuộc Đề án phát triển Giáo dục mầm non tại vùng nông thôn khó khăn: 230 triệu đồng – nguồn XSKT

Cụ thể:

- Châu Thành: 230 triệu đồng-nguồn XSKT.

(Chi tiết đính kèm theo biểu số 03)

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hòa Thành, huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *XV*

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- PTVP, PVP Nhung, KTTC;
- Lưu: VT.

binhhht_QDUB_032

12

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

**PHẦN KHAI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2019 - NGUỒN XỐ SỔ KIẾN THIẾT
HỒ TRỢ MỤC TIÊU CÁC HUỖN, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(BAO GỒM XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐÀT CHUẨN QUỐC GIA)**

(Kèm theo Quyết định số **657** /QĐ-UBND ngày **15** tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Biểu số 01

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định Đầu tư/ Quyết toán	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở TK	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMBT/Giá trị quyết toán	Trong đó		Mức vốn tính hồ trợ	Tỷ lệ tính hồ trợ (%)	Đơn vị đề nghị	Kế hoạch năm 2019	% vốn tính hồ trợ (TMBT-DPP) hoặc định mức vốn tính đầu tư	Ghi chú
											Dự phòng phí							
	Thành phố Tây Ninh									40,415	2,499	12,230		14,930	12,230			
	Giao thông									40,415	2,499	12,230		14,930	12,230			
	Dự án mới									40,415	2,499	12,230		14,930	12,230			
1	Dường hẻm 875-ĐT 785 và nhánh đường số 15, nhánh đường số 21-ĐT 785, ấp Thanh Đông, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1809/QĐ-UBND 29/10/2018	Dài 0,338 Km BTXM	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7720332	292	2019-2020	891	79	325	40%	529	325			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
2	Dường số 13-ĐT 785, ấp Thanh Đông, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1810/QĐ-UBND 29/10/2018	0,259 Km BTXM	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7719861	292	2019-2020	685	61	249	40%	370	249			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
3	Dường số 21, ấp Thanh Lợi, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1811/QĐ-UBND 29/10/2018	0,243Km BTXM	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7719863	292	2019-2020	708	63	258	40%	347	258			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
4	Dường số 4-5, ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1813/QĐ-UBND 29/10/2018	0,318 Km sơ đồ	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7720331	292	2019-2020	485	23	185	40%	312	185			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
5	Dường số 4 lộ 10, ấp Thanh Lợi, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1814/QĐ-UBND 29/10/2018	0,886 Km Láng nhựa	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7720330	292	2019-2020	4,089	273	1,041	Hồ trợ định mức: 4089/5*3,5* 0,4=1041	1,099	1,041			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
6	Dường số 20, ấp Thanh Lợi, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1816/QĐ-UBND 29/10/2018	1,925 Km sơ đồ	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7720328	292	2019-2020	3,933	187	1,499	40%	1,921	1,499			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
7	Dường số 12-16, ấp Thanh Trung, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1812/QĐ-UBND 29/10/2018	1,02 Km Láng nhựa	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7720327	292	2019-2020	4,119	275	1,048	Hồ trợ định mức: 4119/5,5*3,5* 0,4=1041	432	1,048			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
8	Hẻm G3, ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Tân	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1807/QĐ-UBND 29/10/2018	1,029 Km Láng nhựa	Xã Thanh Tân	Kho bạc NN tỉnh	7719864	292	2019-2020	4,382	292	1,115	Hồ trợ định mức: 4382/5,5*3,5* 0,4=1115	1,275	1,115			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ
9	Hẻm 46A-46B, ấp Tân Phước, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1804/QĐ-UBND 29/10/2018	0,745 Km đề đàm	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720682	292	2019-2020	1,005	47	383	40%	584	383			Bổ tư đủ mức vốn tính hồ trợ

Đvt: triệu đồng

Đơn: triệu đồng

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định Đầu tư/ Quyết toán	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở TK	Mã số dự án	Mã ngành lãnh tế	Thời gian KC-HT	TMDT/Giá trị quyết toán	Trong đó		Mức vốn tính hỗ trợ	Tỷ lệ tính hỗ trợ (%)	Đơn vị đề nghị	Kế hoạch năm 2019	% vốn tính hỗ trợ /(TMDT- DPF) hoặc định mức vốn tính đầu tư	Ghi chú
10	Đường 28, lộ 12A, liên xã Thanh Tân - Tân Bình, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1806/QĐ-UBND 29/10/2018	1,032 Km Láng nhựa	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720530	292	2019-2020	3,282	217	835	Hỗ trợ định mức: 3282/5.5*3.5* 0.4=835	1,166		835		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
11	Đường số 11, ấp Tân Trung, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1795/QĐ-UBND 29/10/2018	2,634 Km Láng nhựa	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720569	292	2019-2020	8,845	590	2,252	Hỗ trợ định mức: 8845/5.5*3.5* 0.4=2252	3,568		2,252		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
12	Hẻm số 115 - Hẻm số 60, Lô 12A, ấp Tân Trung, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1796/QĐ-UBND 29/10/2018	0,402 Km đá dăm	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720568	292	2019-2020	557	26	212	40%	315		212		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
13	Hẻm số 33, ấp Tân Trung, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1797/QĐ-UBND 29/10/2018	0,282 Km đá dăm	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720567	292	2019-2020	413	19	158	40%	244		158		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
14	Hẻm số 14A (Tầm Dấu) - 14B (Năm Sì), ấp Tân Lập, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1798/QĐ-UBND 29/10/2018	1,034 Km sỏi đỏ	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720566	292	2019-2020	1,794	83	684	40%	659		684		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
15	Hẻm số 13 (Hà Luu) - Hẻm 49, ấp Tân Lập, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1799/QĐ-UBND 29/10/2018	1,118 Km sỏi đỏ	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720565	292	2019-2020	1,829	85	698	40%	685		698		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
16	Hẻm 14C (đối diện trại heo Thổng), ấp Tân Lập, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1800/QĐ-UBND 29/10/2018	0,680 Km sỏi đỏ	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720564	292	2019-2020	829	39	316	40%	324		316		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
17	Hẻm 228, ấp Tân Lập, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1801/QĐ-UBND 29/10/2018	0,816 Km đá dăm	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720563	292	2019-2020	1,229	57	469	40%	644		469		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
18	Hẻm 37, ấp Tân Lập, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1802/QĐ-UBND 29/10/2018	0,188 Km BTXM	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720562	292	2019-2020	846	63	313	40%	195		313		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ
19	Hẻm 29 (nhà anh Nhứt), ấp Tân Phước, xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1803/QĐ-UBND 29/10/2018	0,281 Km sỏi đỏ	Xã Tân Bình	Kho bạc NN tỉnh	7720583	292	2019-2020	495	20	190	40%	261		190		Bổ trợ đủ mức vốn tính hỗ trợ



PHẦN KHAI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2019
HỒ TRỢ MỤC TIÊU CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ CHÍNH TRĂNG BÓ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	QĐ định phê duyệt DA (số, ngày, tháng/năm)	Năng lực thiết kế	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMĐT	Trong đó		Kế hoạch trong hạn 2019-2020 (ngân sách tỉnh)	Mức vốn tính hỗ trợ	Đơn vị để nghị	Kế hoạch năm 2019			% vốn tỉnh hỗ trợ/Mức vốn tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
											Dự phòng phí	phí				Tổng	NSTT	XSKT		
	TỈNH CÔNG									76,210	6,222	42,663	31,341	43,638	30,444	21,638	8,806			
	THÀNH PHỐ TÂY NINH									25,412	1,746	21,916	10,700	23,894	10,700	1,894	8,806			
	Dự án mới									25,412	1,746	21,916	10,700	23,894	10,700	1,894	8,806			
1	Đường số 39 và số 40, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1772/QĐ-UBND 29/10/2018	0,963 Km Láng nhưa	Ninh Thành	Kho bạc NN tỉnh	7722647	292	2019-2020	4,618	308	3,385	1,000	3,994	1,000			1,000		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
2	Đường số 61 và số 62, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1775/QĐ-UBND 29/10/2018	0,401 Km Láng nhưa	Ninh Thành-Ninh Sơn	Kho bạc NN tỉnh	7722650	292	2019-2020	3,548	237	2,865	1,400	3,100	1,400			1,400		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
3	Đường số 63 và số 64, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1776/QĐ-UBND 29/10/2018	0,306 Km Láng nhưa	Ninh Thành-Ninh Sơn	Kho bạc NN tỉnh	7722652	292	2019-2020	1,897	126	1,607	1,600	1,700	1,600			1,600		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
4	Đường số 49 và số 50, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1778/QĐ-UBND 29/10/2018	1,151 Km Láng nhưa	Ninh Sơn-Ninh Thành	Kho bạc NN tỉnh	7722659	292	2019-2020	7,463	498	6,571	2,000	7,000	2,000			2,000		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
5	Đường số 6, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	0,8 Km Láng nhưa	Ninh Thành	Kho bạc NN tỉnh	7722651	292	2019-2020	2,265	202	2,843	1,800	3,100	1,800			1,800		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
6	Đường số 45 và số 46, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1773/QĐ-UBND 29/10/2018	0,364 Km Láng nhưa	Ninh Thành-Ninh Sơn	Kho bạc NN tỉnh	7722646	292	2019-2020	2,789	186	2,345	600	2,500	600			600		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
7	Đường số 51 và số 52, đường Điện Biên Phủ, phường Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD Thành phố	1774/QĐ-UBND 29/10/2018	0,521 Km Láng nhưa	Ninh Thành-Ninh Sơn	Kho bạc NN tỉnh	7722648	292	2019-2020	2,832	189	2,300	2,300	2,500	2,300			1,894	406	Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ
	Huyện Hòa Thành									50,798	4,476	20,747	20,641	19,744	19,744	19,744				
	Dự án mới									50,798	4,476	20,747	20,641	19,744	19,744	19,744				
1	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Hùng (đoạn từ Bành viến Hòa Thành đến đường Nguyễn Văn Cội)	Ban QLDA ĐTXD huyện Hòa Thành	289/QĐ-SKHT 31/10/2018	1,771,75m, BTN	Xã Long Thành Trung	Kho bạc NN huyện Hòa Thành	7742820	292	2019-2020	40,238	3,658	14,900	14,900	14,297	14,297				96%	Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ, phần còn lại ngân sách huyện
2	Hiệp Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Hòa Thành	2175/QĐ-UBND 29/10/2018	489,89m, láng nhưa	Xã Hiệp Tân	Kho bạc NN huyện Hòa Thành	7735542	292	2019-2020	1,317	87	760	760	760	760			760		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ, phần còn lại ngân sách huyện
3	Đường số 12 Sơn Cu	Ban QLDA ĐTXD huyện Hòa Thành	2176/QĐ-UBND 29/10/2018	365,5m láng nhưa	Xã Long Thành Bắc	Kho bạc NN huyện Hòa Thành	7735544	292	2019-2020	977	65	380	380	380	380			380		Bổ trợ đầu mức vốn tỉnh hỗ trợ, phần còn lại ngân sách huyện

ĐVC triệu đồng

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	QĐ định phê duyệt DA (số, ngày, tháng, năm)	Năng lực thiết kế	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMDT	Trong đó Dự phòng phí	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 (ngân sách tính)	Mức vốn tính hỗ trợ	Đơn vị đề nghị	Kế hoạch năm 2019			% vốn tính hỗ trợ/Mức vốn tính hỗ trợ	Ghi chú
														Tổng	NSTT	XSKT		
4	Xây dựng một số tuyến mương thoát nước khu phố 4 thuộc dự án Hệ thống thoát nước Thị trấn Hòa Thành - (Giai đoạn 3)	Ban QLDADTXD huyện Hòa Thành	2155/QĐ-UBND 26/10/2018	1.308,35m, mương BTCT	Thị trấn Hòa Thành	Kho bạc NN huyện Hòa Thành	311	2019-2021	6.965	576	3.390	3.390	3.390	3.390				Bổ trí đủ vốn tính hỗ trợ, phần còn lại ngân sách huyện
5	Hệ thống thoát nước khu vực trung nhót	Ban QLDADTXD huyện Hòa Thành	2178/QĐ-UBND 29/10/2018	349m, BTCT	Xã Long Thành Nam	Kho bạc NN huyện Hòa Thành	311	2019-2020	1.301	90	1.317	1.211	917	917			76%	

PHÂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2019 - NGUỒN VỐN XÓ SỎ KIẾN THIẾT
TÌNH HỖ TRỢ MỨC TIÊU CÁC HUYỆN - XÂY DỰNG MỚI TRƯỜNG HỌC
THUỘC ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON TẠI VÙNG NÔNG THÔN KHÓ KHĂN
(Kèm theo Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn: triệu đồng

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở TK	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Giá trị quyết toán	Mức vốn tỉnh hỗ trợ tối đa	Lấy kế vốn tính đến 31/12/2018	Đơn vị đề nghị	Kế hoạch năm 2019			% vốn tỉnh bố trí/(TMDT-DPP)	Ghi chú
														Tổng cộng	Bã bố trí	Bố trí đợt này		
	Huyện Châu Thành									6,309	5,000	4,510	230	490	260	230		
	<i>Quyết toán dự án hoàn thành</i>									6,309	5,000	4,510	230	490	260	230		
1	Trường mẫu giáo Thành Long (điểm Bến Sỏi)	Ban QLDA DT XD huyện Châu Thành	309/QĐ-UBND 22/10/2018	09 phòng học lầu, 02 phòng sinh hoạt chung, 01 phòng chuyên môn	Thành Long	KBNN Châu Thành	7626260	071	2017-2018	6,309	5,000	4,510	230	490	260	230		Bổ trí đủ vốn quyết toán theo quy định